

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03/3/2021

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Quốc Thìn;
2. Bà Phạm Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Vực A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Vực E, thôn F, xã I, huyện G, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị H (sau đây viết tắt là chị H) trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Công Th (sau đây viết tắt là anh Th) tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 01/4/2015. Quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không có sự yêu thương, hạnh phúc. Vì tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Th.

Chị và anh Th có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Công Kh, sinh ngày 28/3/2014, hiện đang sống với anh Th và cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 16/01/2018, hiện đang sinh sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung là cháu L, giao cháu Kh cho anh Nguyễn Công Th nuôi dưỡng; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Bị đơn là anh Nguyễn Công Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần Th hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.*

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chị H; giao con chung là cháu L cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu Kh cho anh Th nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là chị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần Th hai nhưng bị đơn anh Th vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Th không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào Điều 91 và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Trích lục kết hôn số 314/2020/TLKH-BS ngày 03/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh và trình bày của chị H, có đủ cơ sở xác định chị H và anh Th xác lập quan hệ vợ chồng với nhau từ ngày 01/4/2013 và tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị H trình bày trong quá trình chung sống giữa chị và anh Th xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không có sự yêu thương hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng kéo dài không thể hàn gắn được.

Anh Th không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện mà chị H đã trình bày về nguyên nhân, quá trình phát sinh mâu thuẫn cũng như các vấn đề khác nên theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà chị H đưa ra không phải chứng minh. Ngoài ra, anh Th không đến Tòa án hòa giải, thể hiện anh Th không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị H, anh Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.3] Chị H và anh Th có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Công Kh, sinh ngày 28/3/2014 và cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 16/01/2018. Xét thấy hiện nay cháu Kh đang sinh sống ổn định cùng với anh Th, cháu L đang

sinh sống ổn định cùng với chị H; chị H và anh Th đều có khả năng nuôi con, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Kh cho anh Th nuôi dưỡng.

[2.4] Chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng trong vụ án này.

[2.4] Chị H và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chị Ngô Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công Th.

2. Giao cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 16/01/2018 cho chị Ngô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Công Kh, sinh ngày 28/3/2014 cho anh Nguyễn Công Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Công Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000872 ngày 29/09/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đô**